

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2023

“V/v yêu cầu ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Bà Trương Kim Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 464/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về “yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: chị Đoàn Kim H, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2023, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T như sau:*

Anh và chị H được người quen giới thiệu cho hai người biết nhau, sau đó anh và chị H được cha mẹ tổ chức đám cưới cho anh chị vào năm 2001 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; đồng thời, chị H không chung thủy và chị H cũng đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở sống ly thân với anh từ cuối năm 2021 đến nay. Anh và chị H cũng đã xác định hai người không còn tình cảm với nhau và không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Anh và chị H có hai người con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 15/01/2003 và Huỳnh Thị Kiều Th, sinh ngày 9/4/2006 đã trưởng thành trên 18 tuổi. Anh và chị H đã tự thỏa thuận về tài sản chung xong, anh chị không có nợ chung.

Tại phiên tòa, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân cho anh được ly hôn với chị Đoàn Kim H. Về con chung thì anh T và chị H có hai người con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 15/01/2003 và Huỳnh Thị Kiều Th, sinh ngày 9/4/2006, hai con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị H đã tự thỏa thuận về tài sản chung xong, anh chị không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

** Tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải ngày 18 tháng 5 năm 2023 bị đơn chị Đoàn Kim H trình bày:* Chị H thống nhất với lời trình bày của anh T về hôn nhân, chị H xác định chị và anh T có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh T sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp nên chị đã thuê nhà trọ ở riêng sống ly thân với anh T từ cuối năm 2021 đến nay. Chị H cũng xét thấy không thể quay lại sống chung với anh T được nữa và chị đồng ý ly hôn với anh T.

Chị và anh T có hai người con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 15/01/2003 và Huỳnh Thị Kiều Th, sinh ngày 9/4/2006 đã trưởng thành trên 18 tuổi. Chị và anh T đã tự thỏa thuận về tài sản chung xong và anh chị cũng không có nợ chung.

Về hôn nhân chị H đồng ý ly hôn với anh Huỳnh Thanh T. Về con chung thì chị và anh T có hai người con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 15/01/2003 và Huỳnh Thị Kiều Th, sinh ngày 9/4/2006 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh T đã tự thỏa thuận về tài sản chung xong, anh chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Thanh T yêu cầu ly hôn với chị Đoàn Kim H đây là “yêu cầu ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Đoàn Kim H là bị đơn trong vụ án nhưng chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt chị H không gây trở ngại khi xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: anh Huỳnh Thanh T và chị Đoàn Kim H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, anh chị có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống với nhau từ năm

2001 đến nay anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010. Anh T yêu cầu cho anh được ly hôn với chị H lý do hai người không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng rất ít nói chuyện với nhau; đồng thời, chị H cũng không chung thủy với anh và chị H cũng đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ sống ly thân với anh từ cuối năm 2021 đến nay. Anh T xét thấy không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng với chị H được nữa nên anh T yêu cầu ly hôn với chị H. Chị H cũng thừa nhận mâu thuẫn của chị và anh T là đúng, hơn nữa vợ chồng chị cũng đã ly thân với nhau từ cuối năm 2021 đến nay nên chị cũng có nguyện vọng đồng ý ly hôn với anh T. Do hôn nhân của anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của chị; mà cần áp dụng Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa anh Huỳnh Thanh T và chị Đoàn Kim H là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: anh T và chị H đều xác nhận có hai người con chung tên Huỳnh Thanh H, sinh ngày 15/01/2003 và Huỳnh Thị Kiều Th, sinh ngày 9/4/2006, hai con đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: anh T, chị H đã tự thỏa thuận xong nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: anh T, chị H xác định không có nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng anh T phải nộp do anh có yêu cầu được ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa anh Huỳnh Thanh T và chị Đoàn Kim H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Huỳnh Thanh T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001830 ngày 15/11/2022

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh T đã nộp xong án phí HNST.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 31/5/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh